

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK HÀ
TỈNH KON TUM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 113/2018/QĐST- HNGĐ

Đắk Hà, ngày 04 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 121/2018/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thúy V; Địa chỉ: Tổ dân phố 4B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

Bị đơn: Anh Đỗ Minh K; Địa chỉ: Tổ dân phố 4B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 9 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Thúy V và anh Đỗ Minh K.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Trần Thị Thúy V và anh Đỗ Minh K thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Hai đương sự xác nhận vợ chồng có 01 con chung và thỏa thuận như sau: Giao cháu Đỗ Minh Q - Sinh ngày 24/7/2015 cho chị Trần Thị Thúy V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đỗ Minh K cấp dưỡng

tiền nuôi con chung một tháng 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*). Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 9/2018 cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định. Anh Đỗ Minh K có quyền, nghĩa vụ thăm con chung mà không ai được cản trở.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không nợ ai.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Khoản 3 Điều 144; Khoản 3, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6; khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí dân sự sơ thẩm (thuận tình ly hôn) là 150.000 đồng, các đương sự phải chịu. Chị Trần Thị Thúy V thỏa thuận chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Trần Thị Thúy V đã nộp theo biên lai số AA/2010/ 0009446 ngày 10 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum. Chị Trần Thị Thúy V được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*).

Anh Đỗ Minh K phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*).

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đắk Hà;
- Các đương sự ;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ .

THẨM PHÁN

Đã ký

Nguyễn Thị Hường

